

BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ

Ngày 07 tháng 04 năm 2021

Ngày 02/04/2021, Ngân hàng nhà nước ban hành Thông tư số 03/2021/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (1) cơ cấu lại thời hạn trả nợ; (2) miễn, giảm lãi, phí; (3) giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ các khách hàng có doanh thu/thu nhập giảm do tác động của dịch bệnh Covid-19. Nội dung sửa đổi, bổ sung được tóm tắt như trong bảng sau:

Bảng 1: Tóm tắt nội dung sửa đổi/bổ sung của Thông tư 03/2021/TT-NHNN

	TT 01/2020/TT-NHNN	Nội dung Sửa đổi/Bổ sung tại TT 03/2021/TT-NHNN
Cơ cấu thời hạn trả nợ (Điều 4)	<p>Điều kiện đối với các khoản dư nợ:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nghĩa vụ trả nợ phát sinh trong khoảng thời gian từ 23/01/2020 đến ngày liền kề sau 03 tháng kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ công bố hết dịch Covid -19. Công văn 3339/NHNN hướng dẫn thực hiện Thông tư 01: chỉ cơ cấu lại thời hạn trả nợ với các khoản nợ phát sinh trước ngày 23/01/2020. 	<p>Điều kiện đối với các khoản dư nợ:</p> <ul style="list-style-type: none"> Phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày 23/01/2020 đến ngày 31/12/2021. Dư nợ phát sinh trước ngày 10/6/2020
Miễn giảm lãi, phí (Điều 5)	<p>Điều kiện đối với các khoản dư nợ:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nghĩa vụ trả nợ phát sinh trong khoảng thời gian từ 23/01/2020 đến ngày liền kề sau 03 tháng kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ công bố hết dịch Covid -19. 	<p>Điều kiện đối với các khoản dư nợ:</p> <ul style="list-style-type: none"> Nghĩa vụ trả nợ phát sinh trong khoảng thời gian từ 23/01/2020 đến ngày 31/12/2021. Dư nợ của khoản nợ phát sinh trước ngày 10/6/2020.
Giữ nguyên nhóm nợ (Điều 6)	<p>Điều kiện đối với các khoản dư nợ:</p> <ul style="list-style-type: none"> Dư nợ được cơ cấu thời hạn trả nợ theo Điều 4 và Miễn giảm lãi, phí theo điều 5. <p>Giữ nhóm nợ:</p> <ul style="list-style-type: none"> Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm gần nhất trước ngày 23/01/2020. 	<p>Điều kiện đối với các khoản dư nợ:</p> <ul style="list-style-type: none"> Dư nợ được cơ cấu thời hạn trả nợ theo Điều 4 và Miễn giảm lãi, phí theo điều 5. <p>Giữ nhóm nợ:</p> <ul style="list-style-type: none"> Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm gần nhất trước ngày 23/01/2020 với dư nợ phát sinh trước 23/01/2020. Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày thực hiện tái cơ cấu đối với dư nợ phát sinh sau ngày 23/01/2020.
Trích lập dự phòng rủi ro (Điều 6a)	Không quy định.	<p>Số tiền dự phòng phải trích bổ sung = (A) Chi phí trích lập dự phòng dự trên nhóm nợ nếu không thực hiện giữ nguyên nhóm nợ - (B) Chi phí trích lập dự phòng xác định dựa trên nhóm nợ tái cơ cấu.</p> <p>Quy định trích lập bổ sung tối thiểu trên Số tiền dự phòng phải trích bổ sung:</p> <ul style="list-style-type: none"> Đến 31/12/2021: 30% Đến 31/12/2022: 60% Đến 31/12/2023: 100%

Nguồn: NHNN, VCBS tổng hợp

Theo đó, có 2 nội dung thay đổi chính có tác động lớn tới ngành ngân hàng trong giai đoạn sắp tới bao gồm:

- **Mở rộng phạm vi các khoản dư nợ được phép giữ nguyên nhóm nợ** với việc cho phép cơ cấu các khoản nợ phát sinh trong giai đoạn từ 23/01/2020 đến 10/06/2020. Các ngân hàng có thể xem xét mở rộng lượng dư nợ tái cơ cấu với thời hạn giãn nợ tối đa 12 tháng.
- **Lên lộ trình trích lập dự phòng rủi ro 3 năm cho các khoản nợ tái cơ cấu.** Việc kéo giãn thời hạn trích lập cho lượng dư nợ tái cơ cấu đến hạn đồng loạt trong năm 2021 sẽ giúp các ngân hàng tránh được tình trạng chi phí trích lập dự phòng tăng đột biến trong một khoản thời gian ngắn.

Ngoài ra, Thông tư 03/2021/TT-NHNN cũng quy định rõ ràng hơn ở một số nội dung bao gồm:

- Bổ sung điều kiện thời hạn phát sinh của dư nợ là trước 10/06/2020 cho cả 2 loại hình Cơ cấu thời hạn trả nợ và Miễn giảm lãi, phí.
- Ấn định thời hạn kết thúc trong điều kiện phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc/lãi là 31/12/2021 thay cho quy định cũ là đến ngày liền kề sau 03 tháng kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ công bố hết dịch Covid -19.

Mức độ tác động tới các ngân hàng có sự phân hóa cao:

- Nhóm ngân hàng có nhiều dư nợ tái cơ cấu như BID, VPB,... có thể sẽ trải qua một giai đoạn trích lập dự phòng cho lượng dư nợ tái cơ cấu mà khách hàng không thể hồi phục hoạt động sản xuất kinh doanh tương tự như giai đoạn trích lập dự phòng trái phiếu VAMC trong quá khứ. Cụ thể với trường hợp của BID, ban lãnh đạo chia sẻ tại đại hội cổ đông rằng chi phí trích lập cho cả năm 2021 dự kiến ở mức 24.000 tỷ đồng, tăng 3% so với năm 2020 khi ngân hàng cộng thêm khoản chi phí trích lập tăng thêm theo thông tư 03/2021.

Bảng 2: Dư nợ tái cơ cấu và số dự phòng rủi ro cho vay khách hàng đã trích

2020	Nợ xấu nội bảng	Nợ tái cơ cấu	Dự phòng rủi ro Cho vay khách hàng đã trích (Cân đối kế toán)	LLCR
BID	21,369	28,000	19,056	89%
CTG	9,519	5,000	12,561	132%
VCB	5,230	5,500	19,243	368%
ACB	1,840	1,000	2,950	160%
MBB	3,248	5,100	4,354	134%
VPB	9,925	28,000	4,497	45%
TCB	1,295	6,100	2,214	171%
HDB	2,357	6,100	1,935	82%
VIB	2,957	600	1,748	59%
TPB	1,420	8,000	1,906	134%
MSB	1,558	1,532	843	54%

Nguồn: Các ngân hàng, VCBS tổng hợp

- Nhóm ngân hàng có chất lượng tài sản tốt và đã thực hiện trích lập dự phòng cho rủi ro có thể phát sinh từ các khoản nợ tái cơ cấu ngay trong năm 2020 như VCB, ACB, TCB, VIB,... sẽ không chịu áp lực gia tăng thêm chi phí trích lập trong năm 2021 khi các ngân hàng này đã trích lập nhiều hơn mức được yêu cầu.

Xét về tổng quan ngành, chúng tôi giữ khuyến nghị KHẢ QUAN cho toàn ngành trong giai đoạn hiện tại với triển vọng lợi nhuận tăng trưởng cao trong nửa đầu năm 2021.

Bảng 3: Tổng hợp chỉ tiêu tài chính các ngân hàng và khuyến nghị năm 2021

2020	Tổng tài sản	Vốn chủ sở hữu	EBT	NIM	ROE	NPL	LLCR	Chất lượng tài sản	Triển vọng kinh doanh	Khuyến nghị đầu tư
Đơn vị	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	%	%	%	%			
BID	1.516.870	79.788	9.214	2,47%	9,35%	1,76%	88%	Trung bình	Tăng trưởng	Khả quan
CTG	1.341.393	85.395	17.070	2,88%	16,89%	0,94%	132%	Trung bình	Tăng trưởng	Mua
VCB	1.327.537	98.859	23.045	2,95%	20,55%	0,62%	370%	Lành mạnh	Tăng trưởng	Khả quan
MBB	494.982	50.099	10.688	4,77%	19,13%	1,09%	134%	Lành mạnh	Tăng trưởng	Mua
STB	492.637	28.956	3.339	2,77%	9,63%	1,70%	94%	Trung bình	Đi ngang	Nắm giữ
ACB	444.530	35.448	9.596	3,68%	24,31%	0,60%	160%	Lành mạnh	Tăng trưởng	Khả quan
TCB	439.603	74.615	15.800	4,92%	18,41%	0,47%	171%	Lành mạnh	Tăng trưởng	Khả quan
VPB	419.027	52.794	13.019	8,79%	21,92%	3,41%	45%	Trung bình	Tăng trưởng	Khả quan
SHB	412.918	24.393	3.412	2,83%	12,71%	1,72%	69%	Trung bình	Tăng trưởng	Khả quan
HDB	319.127	24.704	5.818	4,63%	20,61%	1,32%	82%	Lành mạnh	Tăng trưởng	Khả quan
VIB	244.676	17.974	5.803	4,08%	29,56%	NA	NA	Lành mạnh	Tăng trưởng	Khả quan
LPB	242.343	14.232	2.427	3,20%	13,89%	1,43%	90%	Trung bình	Tăng trưởng	Khả quan
TPB	206.315	16.744	4.389	4,32%	23,54%	1,18%	134%	Lành mạnh	Tăng trưởng	Mua
MSB	176.698	16.875	2.523	3,37%	12,67%	1,96%	54%	Trung bình	Tăng trưởng	Mua
EIB	160.435	16.819	1.340	2,14%	6,57%	2,51%	51%	Không đánh giá	Không đánh giá	Không đánh giá
OCB	152.687	17.436	4.420	3,88%	24,43%	1,69%	62%	Trung bình	Đi ngang	Khả quan
NAB	134.315	6.599	1.005	2,43%	13,84%	0,83%	114%	Không đánh giá	Không đánh giá	Không đánh giá
BAB	117.192	8.370	737	1,87%	7,34%	0,79%	131%	Không đánh giá	Không đánh giá	Không đánh giá
ABB	116.598	8.912	1.403	2,29%	13,36%	2,09%	53%	Không đánh giá	Không đánh giá	Không đánh giá
BVB	61.102	3.890	201	2,12%	4,22%	2,79%	51%	Không đánh giá	Không đánh giá	Không đánh giá
KLB	57.282	3.918	158	1,90%	3,27%	5,42%	16%	Không đánh giá	Không đánh giá	Không đánh giá
PGB	36.153	3.930	212	2,83%	4,42%	2,44%	36%	Không đánh giá	Không đánh giá	Không đánh giá

Nguồn: Fiin Pro, NHTM, VCBS tổng hợp và đánh giá

ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG

Báo cáo này và/hoặc bất kỳ nhận định, thông tin nào trong báo cáo này không phải là các lời chào mua hay bán bất kỳ một sản phẩm tài chính, chứng khoán nào được phân tích trong báo cáo và cũng không là sản phẩm tư vấn đầu tư hay ý kiến tư vấn đầu tư nào của VCBS hay các đơn vị/thành viên liên quan đến VCBS. Do đó, nhà đầu tư chỉ nên coi báo cáo này là một nguồn tham khảo. VCBS không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trước những kết quả ngoài ý muốn khi quý khách sử dụng các thông tin trên để kinh doanh chứng khoán.

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo phân tích đều đã được thu thập, đánh giá với mức cẩn trọng tối đa có thể. Tuy nhiên, do các nguyên nhân chủ quan và khách quan từ các nguồn thông tin công bố, VCBS không đảm bảo về tính xác thực của các thông tin được đề cập trong báo cáo phân tích cũng như không có nghĩa vụ phải cập nhật những thông tin trong báo cáo sau thời điểm báo cáo này được phát hành.

Báo cáo này thuộc bản quyền của VCBS. Mọi hành động sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung báo cáo và/hoặc xuất bản mà không có sự cho phép bằng văn bản của VCBS đều bị nghiêm cấm.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trần Minh Hoàng

Trưởng phòng

Phân tích & Nghiên cứu

tmhoang@vcbs.com.vn

Mạc Đình Tuấn

Trưởng nhóm

Phân tích Ngành và Doanh nghiệp

mdtuan@vcbs.com.vn

Lương Văn Hoàn

Chuyên viên Phân tích cao cấp

lvhoan@vcbs.com.vn